

清汪昂

UÔNG NGANG

湯頭歌訣

THANG
ĐẦU
CA
QUYẾT

寫漢字和譯者：
陳文廣良醫

Người viết chữ Hán và dịch nghĩa:
Lương y TRẦN VĂN QUẢNG

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG



Lương y: TRẦN VĂN QUẢNG

CÁC TÁC PHẨM DỊCH VÀ VIẾT CHỮ HÁN ĐÃ XUẤT BẢN:

- KỸ THUẬT BIỂU DIỄN CỦA
DIỄN VIÊN NGHIỆP DƯ
NXB VĂN HÓA NGHỆ THUẬT - 1962
- CÁCH LÀM TIẾNG ĐỘNG SÂN KHẤU
NXB VĂN HÓA NGHỆ THUẬT - 1962
- THẮNG LỢI MỚI (Kịch)
NXB PHỔ THÔNG - 1962
- MÙA HÈ TỐI
NXB KIM ĐỒNG - 1962
- HỒNG LÂU MỘNG (Tập 3)
NXB VĂN HÓA - 1963
- HỒNG LÂU MỘNG (Tập 4)
NXB VĂN HÓA - 1963
- ĐÔNG DƯỢC HỌC THIẾT YẾU
NXB MŨI CÀ MAU - 1995
- DANH TỪ THUẬT NGỮ
Y HỌC CỔ TRUYỀN
NXB MŨI CÀ MAU - 1996
- Y HỌC TAM TỰ KINH
NXB MŨI CÀ MAU - 1996
- TÂN HỒ MẠCH HỌC
NXB MŨI CÀ MAU - 1997
- DƯỢC TÍNH CA QUÁT TỬ BÁCH VỊ
NXB MŨI CÀ MAU - 1998
- THANG ĐẦU CA QUYẾT
NXB MŨI CÀ MAU - 2000
- HÁN TỰ KHẢI THƯ SỞ HỌC
GIẢN BIÊN
NXB MŨI CÀ MAU - 2000

GIÁ: 350.000 Đ

UÔNG NGANG

THANG ĐÀU CA QUYẾT

Người viết chữ Hán và dịch nghĩa:
Lương y TRẦN VĂN QUANG

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

■ THANG ĐẦU CA QUYẾT
(*Y học cổ truyền*)

Chịu trách nhiệm xuất bản: Quang Thắng

Biên tập nội dung: Viên Phương

Sửa bản in: Minh Như

Bìa: Thùy Trâm

In 1.000 bản, khổ 14x20cm

tại Xí nghiệp in Machinco

21 Bùi Thị Xuân, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số đăng ký kế hoạch xuất bản:

36-2011/CXB/33-612/PĐ

Cục xuất bản ký ngày 31 tháng 12 năm 2010

In xong và nộp lưu chiểu tháng 06 năm 2011

MỤC LỤC

BỔ ÍCH CHI TẾ 10 bài

1 – Tứ Quân Tử Thang	(Cục Phương)	22
2 – Thăng Dương Ích Vị Thang	(Lý Đông Viên)	26
3 – Hoàng Kỳ Miết Giáp Tán	(La Khiêm Phủ)	29
4 – Tân Giao Miết Giáp Tán	(La Khiêm Phủ)	32
5 – Tân Giao Phù Luy Thang	(Dương Sĩ Doanh)	35
6 – Tử Uyển Thang	(Vương Hải Tàng)	37
7 – Bách Hợp Cố Kim Thang	(Triệu Tập Am)	40
8 – Bồ Phế A Giao Tán	(Tiền Trọng Dương)	42
9 – Tiểu Kiến Trung Thang	(Trương Trọng Cảnh)	45
10 – Ích Khí Thông Minh Thang	(Lý Đông Viên)	48

PHÁT BIỂU CHI TẾ 14 bài

1 – Ma Hoàng Thang	(Trương Trọng Cảnh)	52
2 – Quế Chi Thang	(Trương Trọng Cảnh)	55
3 – Đại Thanh Long Thang	(Trương Trọng Cảnh)	58
4 – Tiểu Thanh Long Thang	(Trương Trọng Cảnh)	61

5 - Cát Căn Thang	(Trương Trọng Cảnh)	63
6 - Thăng Ma Cát Căn Thang	(Tiền Trọng Dương)	66
7 - Cửu Vị Khương Hoạt Thang	(Trương Nguyên Tố)	70
8 - Thần Truật Tán	(Cục Phương)	74
9 - Ma Hoàng Phụ Tử Tế Tân Thang	(Trương Trọng Cảnh)	78
10 - Nhân Sâm Bại Độc Tán	(Chu Quảng)	81
11 - Tái Tạo Tán	(Đào Tiết Am)	84
12 - Ma Hoàng Nhân Sâm Thược Dược Thang	(Lý Đông Viên)	87
13 - Thần Bạch Tán	(Chu Đoan Chương)	90
14 - Thập Thần Thang	(Cục Phương)	93

CÔNG LÝ CHI TẾ

7 bài

1 - Đại Thừa Khí Thang	(Trương Trọng Cảnh)	98
2 - Tiểu Thừa Khí Thang	(Trương Trọng Cảnh)	101
3 - Điều Vị Thừa Khí Thang	(Trương Trọng Cảnh)	104
4 - Mộc Hương Tân Lang Hoàn	(Trương Tử Hòa)	106
5 - Chỉ Thực Đạo Trệ Hoàn	(Lý Đông Viên)	109
6 - Ôn Tỳ Thang	(Tôn Tư Mạo)	112
7 - Mật Tiên Đạo Pháp	(Trương Trọng Cảnh)	114

DỮNG THỔ CHI TẾ

2 bài

1 - Qua Đế Tán	(Trương Trọng Cảnh)	119
2 - Hy Diên (Duyên) Tán	(Nghiêm Dụng Hòa)	123

HÒA GIẢI CHI TỄ

9 bài

1 – Tiểu Sài Hồ Thang	(Trương Trọng Cảnh)	128
2 – Tứ Nghịch Tán	(Trương Trọng Cảnh)	132
3 – Hoàng Liên Thang	(Trương Trọng Cảnh)	134
4 – Hoàng Cầm Thang	(Trương Trọng Cảnh)	137
5 – Tiêu Dao Tán	(Cục Phương)	140
6 – Hoắc Hương Chính Khí Tán	(Cục Phương)	142
7 – Lục Hòa Thang	(Cục Phương)	144
8 – Thanh Tỳ Âm	(Nghiêm Dụng Hòa)	146
9 – Thống Tả Yếu Phương	(Lưu Thảo Song)	148

BIỂU LÝ CHI TỄ

8 bài

1 – Đại Sài Hồ Thang	(Trương Trọng Cảnh)	152
2 – Phòng Phong Thông Thánh Tán	(Lưu Hà Gian)	155
3 – Ngũ Tích Tán	(Cục Phương)	159
4 – Tam Hoàng Thạch Cao Thang	(Đào Tiết Am)	162
5 – Cát Cẩn Hoàng Cầm Hoàng Liên Thang	(Trương Trọng Cảnh)	165
6 – Sâm Tô Âm	(Vương Hải Tàng)	169
7 – Nhân Trần Hoàn	(Vương Đào)	172
8 – Đại Khương Hoạt Thang	(Trương Nguyên Tố)	175

TIÊU BỔ CHI TỄ

7 bài

1 – Bình Vị Tán	(Cục Phương)	179
2 – Bảo Hòa Hoàn	(Chu Đan Khê)	183

3 – Kiện Tỳ Hoàn	(Nghiem Phương)	186
4 – Sâm Linh Bạch Truật Tán	(Cục Phương)	189
5 – Chỉ Thực Tiêu Bì Hoàn	(Lý Đông Viên)	192
6 – Miết Giáp Âm Tử	(Nghiem Dung Hòa)	195
7 – Cát Hoa Giải Trình Thang	(Nghiem Dung Hòa)	198

LÝ KHÍ CHI TẾ

11 bài

1 – Bổ Trung Ích Khí Thang	(Lý Đông Viên)	202
2 – Ô Dược Thuận Khí Thang	(Nghiem Dung Hòa)	206
3 – Việt Cúc Hoàn	(Chu Đan Khê)	209
4 – Tô Tử Giáng Khí Thang	(Cục Phương)	212
5 – Tứ Thất Thang	(Trần Ngôn)	215
6 – Tứ Ma Thang	(Nghiem Dung Hòa)	218
7 – Đại Giả Toàn Phú Thang	(Trương Trọng Cảnh)	221
8 – Chính Khí Thiên Hương Tán	(La Tri Đề)	223
9 – Quất Bì Trúc Nhự Thang	(Nghiem Dung Hòa)	225
10 – Đinh Hương Thị Đế Thang	(Trương Nguyên Tố)	228
11 – Định Suyễn Thang	(Trương Thời Triệt)	231

LÝ HUYẾT CHI TẾ

13 bài

1 – Tứ Vật Thang	(Cục Phương)	237
2 – Nhân Sâm Dưỡng Vinh Thang	(Cục Phương)	241
3 – Quy Tỳ Thang	(Nghiem Dung Hòa)	244
4 – Dưỡng Tâm Thang	(Vương Khảm Đường)	247
5 – Dương Quy Tứ Nghịch Thang	(Trương Trọng Cảnh)	251
6 – Đào Nhân Thừa Khí Thang	(Trương Trọng Cảnh)	254
7 – Tê Giác Địa Hoàng Thang	(Tôn Tư Mạo)	257

8 – Khái Huyết Phương	(Chu Đan Khê)	260
9 – Tần Giao Bạch Truật Hoàn	(Lý Đông Viên)	263
10 – Hồn Hoa Tán	(Hứa Thúc Vy)	266
11 – Tiểu Kế Âm Tử	(Nghiêm Dụng Hòa)	268
12 – Tứ Sinh Hoàn	(Trần Tự Minh)	271
13 – Phục Nguyên Hoạt Huyết Thang	(Lý Đông Viên)	274

KHU PHONG CHI TẾ

12 bài

1 – Tiểu Tục Mệnh Thang	(Tôn Tư Mạo)	278
2 – Đại Tần Giao Thang	(Chu Đan Khê)	282
3 – Tam Sinh Ẩm	(Cục Phương)	285
4 – Địa Hoàng Âm Tử	(Lưu Hà Gian)	288
5 – Độc Hoạt Thang	(Chu Đan Khê)	291
6 – Thuận Phong Vận Khí Tán	(Tô Thẩm Lương Phương)	294
7 – Thượng Trung Hạ Thông Dụng Thống Phong Phương	(Chu Đan Khê)	297
8 – Độc Hoạt Ký Sinh Thang	(Tôn Tư Mạo)	300
9 – Tiêu Phong Tán	(Cục Phương)	303
10 – Xuyên Khung Trà Điều Tán	(Cục Phương)	306
11 – Thanh Không Cao	(Lý Đông Viên)	310
12 – Nhân Sâm Kinh Giới Tán	(Trần Tự Minh)	313

KHU HÀN CHI TẾ

12 bài

1 – Lý Trung Thang	(Trương Trọng Cảnh)	318
2 – Chân Vũ Thang	(Trương Trọng Cảnh)	321
3 – Tứ Nghịch Thang	(Trương Trọng Cảnh)	324
4 – Bạch Thông Gia Chư Đảm Chấp Thang	(Trương Trọng Cảnh)	327

5 – Ngô Thù Du Thang	(Trương Trọng Cảnh)	330
6 – Ích Nguyên Thang	(Chu Quăng)	332
7 – Hồi Dương Cấp Cứu Thang	(Đào Tiết Am)	335
8 – Tứ Thần Hoàn	(Vương Khảng Đường)	338
9 – Hậu Phác Ôn Trung Thang	(Lý Đông Viên)	341
10 – Đạo Khí Thang	(Cục Phương)	343
11 – Sán Khí Thang	(Chu Đan Khê)	345
12 – Quất Hạch Hoàn	(Nghiêm Dụng Hòa)	347

KHU THỦ CHI TỄ

5 bài

1 – Tam Vật Hương Nhu Ẩm	(Cục Phương)	353
2 – Thanh Thử Ích Khí Thang	(Lý Đông Viên)	357
3 – Súc Tỳ Ẩm	(Cục Phương)	361
4 – Sinh Mạch Tán	(Tôn Tư Mạo)	364
5 – Lục Nhất Tán	(Lưu Hà Gian)	366

LỢI THẤP CHI TỄ

13 bài

1 – Ngũ Linh Tán	(Trương Trọng Cảnh)	371
2 – Tiểu Bán Hạ Gia Phục Linh Thang	(Trương Trọng Cảnh)	375
3 – Thận Chúc Thang	(Trương Trọng Cảnh)	379
4 – Chu Xạ Hoàn	(Lưu Hà Gian)	382
5 – Sơ Tạc Ẩm Tử	(Trương Tử Hòa)	385
6 – Thực Tỳ Ẩm	(Nghiêm Dụng Hòa)	388
7 – Ngũ Bì Ẩm	(Thích Tế Hồng)	390
8 – Khương Hoạt Thắng Thấp Thang	(Cục Phương)	394
9 – Đại Quất Bì Thang	(Phương Hiền)	396
10 – Nhân Trần Hao Thang	(Trương Trọng Cảnh)	398

11 – Bát Chính Tán	(Cục Phương)	401
12 – Tỳ Giải Phân Thanh Ẩm	(Dương Sĩ Doanh)	403
13 – Đường Quy Niêm Thống Thang	(Lý Đông Viên)	406

NHUẬN TÁO CHI TỄ

13 bài

1 – Trích Cam Thảo Thang	(Trương Trọng Cảnh)	410
2 – Tư Táo Dưỡng Vinh Thang		413
3 – Hoạt Huyết Nhuận Táo Sinh Tân Tán	(Chu Đan Khê)	417
4 – Cửu Tráp Ngưu Nhũ Ẩm	(Chu Đan Khê)	419
5 – Nhuận Tràng Hoàn	(Lý Đông Viên)	420
6 – Thông U Thang	(Lý Đông Viên)	423
7 – Siu Phong Thuận Khí Hoàn	(Thái Bình Thánh Huệ Phương)	426
8 – Tiêu Khát Phương	(Chu Đan Khê)	429
9 – Bạch Phục Linh Hoàn	(Vương Khẳng Đường)	431
10 – Trư Thận Tề Ny Thang	(Tôn Tư Mạo)	434
11 – Địa Hoàng Ẩm Tử	(Vương Huống)	436
12 – Tô Mật Cao Tử	(Tôn Tư Mạo)	438
13 – Thanh Táo Thang	(Lý Đông Viên)	440

TẢ HỎA CHI TỄ

27 bài

1 – Hoàn Liên Giải Độc Thang	(Tôn Tư Mạo)	445
2 – Phụ Tử Tả Tâm Thang	(Trương Trọng Cảnh)	449
3 – Bán Hạ Tả Tâm Thang	(Trương Trọng Cảnh)	452
4 – Bạch Hổ Thang	(Trương Trọng Cảnh)	454
5 – Trúc Diệp Thạch Cao Thang	(Trương Trọng Cảnh)	457

6 - Thăng Dương Tán Hỏa Thang	(Lý Đông Viên)	459
7 - Lương Cách Tán	(Cục Phương)	462
8 - Thanh Tâm Liên Tử Âm	(Cục Phương)	464
9 - Cam Lộ Âm	(Cục Phương)	467
10 - Thanh Vị Tán	(Lý Đông Viên)	470
11 - Tả Hoàng Tán		472
12 - Tiền Ất Tả Hoàng Tán		474
13 - Tả Bạch Tán	(Tiền Ất)	476
14 - Tả Thanh Hoàn	(Tiền Ất)	478
15 - Long Đởm Tả Can Thang	(Cục Phương)	480
16 - Dương Quy Long Hội Hoàn	(Lưu Hà Gian)	482
17 - Tả Kim Hoàn	(Chu Đan Khê)	485
18 - Đạo Xích Tán	(Tiền Ất)	488
19 - Thanh Cốt Tán		490
20 - Phổ Tế Tiêu Độc Âm	(Lý Đông Viên)	492
21 - Thanh Chấn Thang	(Lưu Hà Gian)	495
22 - Cát Cánh Thang	(Nghiêm Dụng Hòa)	497
23 - Thanh Yết Thái Bình Hoàn		500
24 - Tiêu Ban Thanh Đại Âm	(Đào Tiết Am)	502
25 - Tân Di Tán	(Nghiêm Dụng Hòa)	505
26 - Thương Nhĩ Tán	(Trần Vô Trạch)	508
27 - Diệu Hương Tán	(Vương Kinh Công)	510

TRỪ ĐÀM CHI TẾ

10 bài

1 - Nhị Trần Thang	(Cục Phương)	515
2 - Dịch Đàm Thang	(Nghiêm Dụng Hòa)	519
3 - Thanh Châu Bạch Hoàn Tử	(Cục Phương)	521
4 - Thanh Khí Hóa Đàm Hoàn		524
5 - Thuận Khí Tiêu Thực Hóa Đàm Hoàn	(Sa Đồ Mục Tô)	527

6 – Mông Thạch Côn Đàm Hoàn	(Vương Ân Quân)	530
7 – Kim Phí Thảo Tán	(Chu Quảng)	533
8 – Bán Hạ Thiên Ma Bạch Truật Thang	(Lý Đông Viên)	536
9 – Thường Sơn Ẩm	(Cục Phương)	539
10 – Tiệt Ngược Thất Bảo Ẩm	(Vương Huống)	542

THU SÁP CHI TỄ

9 bài

1 – Kim Tỏa Cố Tinh Hoàn		546
2 – Phục Thỏ Đan	(Cục Phương)	549
3 – Trị Trọc Cố Bản Hoàn	(Ngu Đoàn)	551
4 – Kha Tử Tán	(Lý Đông Viên)	554
5 – Tang Phiêu Tiêu Tán	(Khấu Tôn Bật)	557
6 – Chân Nhân Dưỡng Tạng Thang	(La Khiêm Phủ)	559
7 – Dương Quy Lục Hoàng Thang	(Lý Đông Viên)	561
8 – Bá Tử Nhân Hoàn		564
9 – Mẫu Lệ Tán		566

SÁT TRÙNG CHI TỄ

2 bài

1 – Ô Mai Hoàn	(Trương Trọng Cảnh)	570
2 – Hóa Trùng Hoàn		574

UNG DƯƠNG CHI TỄ

6 bài

1 – Chân Nhân Hoạt Mệnh Ẩm	(Trần Tự Minh)	579
2 – Kim Ngân Hoa Tửu		583

3 - Thác Lý Thập Bồ Tấn	(Cục Phương tức Thập Tuyên Tấn)	586
4 - Thác Lý Ôn Trung Thang	(Tôn Ngạn Hòa)	588
5 - Thác Lý Định Thống Thang		591
6 - Tấn Thũng Hội Kiên Thang	(Lý Đông Viên)	593

KINH SẢN CHI TỄ

12 bài

1 - Nhâm Thần Lục Hợp Thang	(Vương Hải Tàng)	601
2 - Giao Ngải Thang	(Trương Trọng Cảnh)	612
3 - Đương Quy Tấn	(Trương Trọng Cảnh)	615
4 - Hắc Thần Tấn	(Cục Phương)	617
5 - Thanh Hồn Tấn	(Nghiêm Dụng Hòa)	620
6 - Linh Dương Giác Tấn	(Hứa Thúc Vy)	622
7 - Đương Quy Sinh Khương Dương Nhục Thang	(Trương Trọng Cảnh)	624
8 - Đạt Sinh Tấn	(Chu Đan Khê)	627
9 - Sâm Truật Ẩm	(Chu Đan Khê)	630
10 - Mẫu Đơn Bì Tấn	(Trần Tự Minh)	632
11 - Cố Kinh Hoàn	(Trần Tự Minh)	634
12 - Bá Tử Nhân Hoàn	(Trần Tự Minh)	636

TIỆN DỤNG LƯƠNG PHƯƠNG

3 bài

1 - Vọng Mai Hoàn	(Uông Nhấn Am)	640
2 - Cốt Hôi Cố Xỉ Tấn		643
3 - Nhuyễn Cước Tấn		645